

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ - ST

Ngày 27/12/2023

V/v "Kiện ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Ngân

2. Bà Vũ Thị Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Xuân S - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Kim T - Sinh năm 1977

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M - Sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Tổ 8, phường X, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tại phiên tòa chị Đỗ Kim T, anh Nguyễn Văn M đều vắng mặt, đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1996 không có đăng ký kết hôn và chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi về chung sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Đến năm 2017 anh chị sống ly thân. Từ khi ly thân không ai quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn M theo quy định.

Về con chung : Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có ba con chung là cháu Nguyễn Văn M sinh ngày 28/01/1998; cháu Nguyễn Tiến S sinh ngày 11/12/2003; cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 11/12/2003 (Con S và con Đ

sinh đôi). Hiện nay 03 con đã đến tuổi trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh M xác định vợ chồng anh chị chung sống với nhau từ năm 1996 không có đăng ký kết hôn và chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi về chung sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Đến năm 2017 anh chị sống ly thân. Từ khi ly thân không ai quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị T có đơn ly hôn. Anh M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đỗ Kim T theo quy định.

Về con chung : Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có ba con chung là cháu Nguyễn Văn M sinh ngày 28/01/1998; cháu Nguyễn Tiến S sinh ngày 11/12/2003; cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 11/12/2003(con S và con Đ sinh đôi). Hiện nay 03 con đã đến tuổi trưởng thành nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Đỗ Kim T và anh Nguyễn Văn M đều vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Đỗ Kim T và anh Nguyễn Văn M.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh M về chung sống với nhau từ năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi chửi nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình hòa giải

nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Đến năm 2017 anh chị sống ly thân. Từ khi ly thân không ai quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Kim T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có ba con chung là cháu Nguyễn Văn M sinh ngày 28/01/1998; cháu Nguyễn Tiến S sinh ngày 11/12/2003; cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 11/12/2003 (con S, con Đ sinh đôi). Hiện nay 03 con đã đến tuổi trưởng thành nên chị T, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Kim T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Kim T và anh Nguyễn Văn M.

2. Về án phí: Chị Đỗ Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: AC - 22P số 0000646 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào cai (2);
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Kim Phụng

